

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC M - QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI
Số: 05/2025/QĐST – DS.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Quảng Ngãi, ngày 22 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Luật số 85/2025/QH15;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 48/2025/TLST – DS ngày 22 tháng 7 năm 2025;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà B, sinh ngày 05/4/1965; địa chỉ: Tổ N, xã B, tỉnh Quảng Ngãi;

Bị đơn: Ông T, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: 19 L, xã B, tỉnh Quảng Ngãi;
hiện đang sinh sống: 182 H, tổ S, xã B, tỉnh Quảng Ngãi;

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về việc thanh toán nợ vay:

Ông T thừa nhận vào ngày 29/12/2015 đã vay tiền của bà B 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), tính đến ngày 14/8/2025 còn nợ lại 20.000.000 đồng.

Ông T chịu trách nhiệm trả số tiền nợ cho bà B như sau:

*/Ngày 14/9/2025 trả 10.000.000đ (Mười triệu đồng);

*/Ngày 14/10/2025 trả 10.000.000đ (Mười triệu đồng);

+/ Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015: Nếu ông T chậm trả tiền cho bà B theo thời gian xác định trên thì phải trả lãi 10%/năm/số tiền nợ gốc chậm trả cho đến khi thanh toán xong nợ.

2.2. Bà B xin rút yêu cầu đòi số tiền lãi 19.220.000đ (Mười chín triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng).

2.3. *Về án phí*: Căn cứ Điều 144 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Ông T chịu trách nhiệm nộp 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước. Bà B được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, nên xử lý tiền tạm ứng án phí không đặt ra.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- VKSND khu vực M;
- THADS Quảng Ngãi;
- Lưu: HSVA.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hảo